

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 84/2010/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vinh, ngày 27 tháng 10 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Quy định phân loại xóm, khối, bản**  
**trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 13/2002/QĐ-BNV ngày 06/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 2453/SNV-XDCQ ngày 23 tháng 9 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Loại và tiêu chí phân loại xóm, khối, bản.

1. Xóm, khối, bản được phân thành ba loại chính như sau:

- a) Xóm, khối, bản loại 1;
- b) Xóm, khối, bản loại 2;
- c) Xóm, khối, bản loại 3;

2. Các xóm, bản biên giới được xếp loại 1;

3. Tiêu chí phân loại:

- a) Số hộ;
- b) Diện tích;
- c) Các yếu tố đặc thù.

**Điều 2.** Cách thức tính điểm, khung điểm phân loại.

**1. Cách thức tính điểm:**

1.1. Đối với xóm, bản miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

a) Số hộ: Từ 60 hộ trở xuống được tính 45 điểm; từ 61 hộ trở lên, cứ tăng 10 hộ được tính thêm 01 điểm;

b) Diện tích: Từ 80 ha trở xuống được tính 35 điểm; từ 81 ha trở lên, cứ tăng 20 ha được tính thêm 02 điểm.

**1.2. Đối với xóm đồng bằng**

a) Số hộ: Từ 100 hộ trở xuống được tính 45 điểm; từ 101 hộ trở lên, cứ tăng 10 hộ được tính thêm 01 điểm;

b) Diện tích: Từ 50 ha trở xuống được tính 35 điểm; từ 51 ha trở lên, cứ tăng 10 ha được tính thêm 02 điểm;

**1.3. Đối với khối, xóm ở phường, thị trấn.**

a) Số hộ: Từ 120 hộ trở xuống được tính 45 điểm; từ 121 hộ trở lên, cứ tăng 10 hộ được tính thêm 02 điểm;

b) Diện tích: Từ 30 ha trở xuống được tính 35 điểm; từ 31 ha, cứ tăng 05 ha được tính thêm 01 điểm;

**1.4. Các yếu tố đặc thù:**

a) Xóm, khối, bản có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 30% đến 50% dân số được tính 10 điểm, chiếm trên 50% dân số được tính 15 điểm; cách xa trung tâm đơn vị hành chính cấp xã trên 10 km được tính 05 điểm.

b) Xóm, khối, bản có tỷ lệ tín đồ tôn giáo chiếm từ 30% đến 50% dân số được tính 10 điểm, chiếm trên 50% dân số được tính 15 điểm; xóm bãi ngang ven biển được tính 05 điểm.

**2. Khung điểm phân loại:**

a) Xóm, khối, bản loại 1 có từ 100 điểm trở lên;

b) Xóm, khối, bản loại 2 có từ 80 đến 99 điểm;

c) Xóm, khối, bản loại 3 có từ 79 điểm trở xuống.

**Điều 3. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục phân loại xóm, khối, bản**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành, thị quyết định việc phân loại xóm, khối, bản.

**2. Trình tự, thủ tục phân loại:**

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập hồ sơ phân loại xóm, khối, bản gồm: Trích lục bản đồ ranh giới của xóm; bản thống kê về số hộ, nhân khẩu, diện tích; các văn bản về các yếu tố đặc thù; sau đó trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

b) Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, gửi Sở Nội vụ xin ý kiến.

c) Sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phân loại xóm, khối, bản.

**3. Điều chỉnh việc phân loại xóm, khối, bản.**

a) Sau 3 năm kể từ ngày quyết định phân loại xóm, khối, bản có hiệu lực thi hành; nếu xóm, khối, bản có biến động lớn về số hộ, nhân khẩu, diện tích thì cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh phân loại xóm, khối, bản.

Việc điều chỉnh phân loại xóm, khối, bản thực hiện theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Quyết định này.

b) Đối với xóm, khối, bản mới được điều chỉnh chia tách, sáp nhập, thành lập mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền phải được tiến hành phân loại theo quy định của Quyết định này.

**Điều 4. Xử lý vi phạm**

Các tổ chức, cá nhân có hành vi làm sai lệch hồ sơ, tài liệu trong quá trình xây dựng số liệu về các tiêu chí phân loại xóm, khối, bản hoặc làm trái với quy định tại Quyết định này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Đình Chi**